

*Phẩm 12: THẾ BỒN DUYÊN<sup>1</sup>*

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Sau khi qua khỏi hỏa tai, khi trời đất của thế gian này sắp sửa thành tựu trở lại, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, mạng chung ở cõi trời Quang âm thiên, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không<sup>2</sup>, rồi sinh tâm đắm nhiễm chỗ đó, yêu thích chỗ đó, nên nguyện cho chúng sanh khác cũng sinh vào nơi này. Sau khi phát sanh ý nghĩ này rồi, thì những chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi trời Quang âm thiên, sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không. Bấy giờ, vị Phạm thiên sinh ra trước liền tự nghĩ rằng: ‘Ta là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, không có ai sáng tạo ra ta, ta tự nhiên mà có, không bám thọ cái gì từ ai hết; ở trong một ngàn thế giới ta hoàn toàn tự tại, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng tạo hóa vạn vật; ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh.’

“Các Phạm thiên sanh sau lại tự nghĩ rằng: ‘Vị Phạm thiên sanh trước kia là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương. Vị ấy tự nhiên mà có, không do ai có sáng tạo; là đấng Tối tôn ở trong một ngàn thế giới, không bám thọ từ ai cái gì, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng sáng tạo vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Ta từ vị ấy mà có.’

“Nhan sắc dung mạo của vị Phạm thiên vương này thường như đồng tử, cho nên Phạm vương được gọi là Đồng tử<sup>3</sup>.

<sup>1</sup>. Tham chiếu, kinh số 4, “Tiểu Duyên”.

<sup>2</sup>. Không Phạm xứ 空梵處; Pāli: suñña Brahma-vimāna.

<sup>3</sup>. Các chỗ khác, bản dịch Hán gọi là Phạm đồng tử 梵童子; Pāli: Saṇṅkumāra, Thường Đồng hình 常童形.

“Hoặc có lúc, khi thế giới này chuyển thành trở lại<sup>4</sup>, phần lớn chúng sanh có kể sinh về Quang âm thiên, bằng hóa sinh tự nhiên<sup>5</sup>, sống bằng thức ăn là sự hoan hỷ<sup>6</sup>, mình phát ra ánh sáng<sup>7</sup>, có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, mạng sống lâu dài. Sau đó thế gian này biến thành đại hồng thủy, tràn ngập khắp nơi. Vào lúc bấy giờ thiên hạ hoàn toàn tối tăm, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngày đêm và cũng không có năm tháng hay con số bốn mùa. Sau đó, khi thế gian này bắt đầu sắp chuyển biến, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi Quang âm thiên sau khi mạng chung sinh đến thế gian này, bằng hóa sinh và ăn bằng sự hoan hỷ, tự thân phát sáng, có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, sống lâu dài ở đây. Khi ấy, không có nam nữ, tôn ty, trên dưới, cũng không có những tên khác nhau. Các chúng cùng sinh ở thế gian này, cho nên gọi là chúng sanh.

“Bấy giờ, đất này tự nhiên phát sinh ra vị đất<sup>8</sup>, ngưng tụ trong đất. Cũng như đề hồ<sup>9</sup>, vị đất khi xuất hiện cũng như vậy; giống như sanh tô<sup>10</sup>, vị ngọt như mật. Sau đó chúng sanh dùng tay nếm thử để biết vị ra sao. Vừa mới nếm, liền có cảm giác ngon, nên sanh ra mê đắm vị ấy. Như vậy, lần lượt nếm mãi không thôi nên sanh ra tham đắm, bèn lấy bàn tay mà vốc, dần thành thói ăn bốc<sup>11</sup>. Ăn bốc mãi như thế, những chúng sanh khác thấy vậy lại bắt chước ăn và cách ăn này không bao giờ chấm dứt. Khi ấy, những chúng sanh này thân thể trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn có thần túc, không thể bay đi. Bấy giờ, chưa có mặt trời mặt trăng. Ánh sáng của chúng sanh biến mất. Khi ấy, trời đất hoàn toàn tối om, không khác như trước. Một thời gian lâu, rất lâu về sau, có một trận cuồng phong mạnh nổi lên thổi nước biển lớn, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, khiến cho biển bị tách làm hai, mang cung điện mặt trời đặt ở lưng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt trời, mọc ở

<sup>4</sup>. Hán: hoàn thành 還成; Skt.: vivartnana, Pāli: vivattaṇa.

<sup>5</sup>. Tự nhiên hóa sanh 自然化生; Pāli: manomaya. Được sáng tạo do ý.

<sup>6</sup>. Haùn: hoan hỷ vi thực 歡喜為食; Pāli: pitibhakkha, aên baèng hỷ.

<sup>7</sup>. Hán: thân quang tự chiếu 身光自照; Pāli: sayampabhā.

<sup>8</sup>. Đòa vị 地味; Pāli: rasa-paṭhavī.

<sup>9</sup>. Đề hồ 醍醐; Pāli: sappi-maṇḍa, chế phẩm thượng hạng từ sữa.

<sup>10</sup>. Sanh tô 生酥; Pāli: navanīta, chế phẩm từ sữa, váng sữa để nguội, sữa đông.

<sup>11</sup>. Đoàn thực 搏食, giải thích ngữ nguyên của ý niệm thực phẩm vật chất.

phương Đông và lặn ở phương Tây, đi quanh khắp thiên hạ.

“Nhật cung điện thứ hai mọc từ phương Đông, lặn phương Tây. Chúng sanh khi ấy nói: ‘Đây là ngày hôm qua’<sup>12</sup> hoặc nói: ‘Không phải ngày hôm qua.’

“Nhật cung điện thứ ba đi quanh núi Tu-di, mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây. Chúng sanh khi ấy bảo rằng: ‘Nhất định là một ngày’. Ngày, có nghĩa là nhân của ánh sáng đi trước<sup>13</sup>, do đó gọi là ngày. Mặt trời có hai nghĩa: một, trụ thường độ<sup>14</sup>; hai, cung điện<sup>15</sup>. Nhìn xa từ bốn hướng, cung điện có hình tròn. Nóng lạnh dễ chịu, được tạo thành bởi vàng của trời; được xen bằng pha lê. Hai phần là vàng trời, thuần chân không pha tạp; trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa. Một phần là pha lê, thuần chân không tạp, trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa.

“Nhật cung điện rộng năm mươi một do-tuần. Đất và vách tường của cung điện mỏng như bẹ lau<sup>16</sup>.

“Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, các trang trí chung quanh đều được làm bằng bảy báu. Tường bằng vàng thì cửa bằng bạc, tường bạc thì cửa vàng; tường lưu ly thì cửa thủy tinh, tường thủy tinh thì cửa lưu ly; tường ngọc đỏ thì cửa mã não, tường mã não thì cửa ngọc đỏ; tường xa cừ thì cửa bằng các thứ báu, tường bằng các thứ báu thì cửa xa cừ. Lại nữa, các lan can kia, nếu thanh ngang bằng vàng thì cọc bằng bạc, thanh ngang bạc thì cọc vàng; thanh ngang lưu ly thì cọc thủy tinh, thanh ngang thủy tinh thì cọc lưu ly; thanh ngang ngọc đỏ thì cọc mã não, thanh ngang mã não thì cọc ngọc đỏ; thanh ngang bằng các loại báu thì cọc bằng xa cừ, thanh ngang xa cừ thì cọc là các loại báu. Lưới vàng thì linh bạc, lưới bạc thì linh vàng; lưới thủy tinh thì linh lưu ly, lưới lưu ly thì linh thủy tinh; lưới ngọc đỏ thì linh mã não, lưới mã não thì linh ngọc đỏ; lưới xa cừ thì linh bằng các loại báu, lưới bằng các loại báu thì linh xa cừ. Những cây bằng vàng này thì lá, hoa quả

<sup>12</sup>. Hán: tạc nhật 昨日.

<sup>13</sup>. Định nghĩa từ Skt.: divasa, ngày, Hán: nhật 日; theo ngũ nguyên, do động từ căn: dĩv, chiếu sáng.

<sup>14</sup>. Hán: trú thường độ 住常度; cùng định nghĩa với mặt trăng. Xem đoạn sau.

<sup>15</sup>. Cung điện 宮殿; cùng đònh nghĩa với mặt trăng, xem đoạn sau.

<sup>366</sup>. Các bản TNM: vi thác 葦籜; bản Cao-ly: tử bá 梓柏.

bạc; cây bằng bạc thì lá, hoa quả vàng; cây bằng lưu ly thì hoa quả thủy tinh, cây thủy tinh thì hoa quả lưu ly; cây bằng ngọc đỏ thì hoa quả mã não, cây mã não thì hoa quả ngọc đỏ; cây bằng xa cừ thì hoa quả các loại báu, cây là các loại báu thì hoa quả là xa cừ. Tường của cung điện có bốn cửa, cửa của nó có bảy bậc thêm, bao quanh bằng lan can; có lầu các đền đài, ao tắm, vườn rừng đều theo thứ lớp đối nhau, sanh các loại hoa báu, hàng nào hàng nấy đều xứng nhau; có nhiều loại cây ăn trái, hoa lá nhiều màu sắc, hương thơm ngát ngào của cây cỏ lan tỏa xa khắp bốn phương, cùng các loài chim riu rít hòa vang.

“Nhật cung điện kia, được duy trì bởi năm loại gió<sup>17</sup>. Một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thọ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Điện chính, nơi Nhật thiên tử ngự, hoàn toàn được xây dựng bằng vàng ròng, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, đều có lan can bao quanh. Tòa của Nhật thiên tử rộng nửa do-tuần, làm bằng bảy báu, trong sạch mềm mại, giống như thiên y. Nhật thiên tử tự thân phóng ra ánh sáng chiếu điện vàng; ánh sáng điện vàng chiếu khắp nhật cung; ánh sáng của nhật cung lại chiếu ra khắp bốn phương thiên hạ. Tuổi thọ của Nhật thiên tử năm trăm năm nhà trời; con cháu đều kế thừa nhau không bao giờ gián đoạn. Cung điện này không bao giờ bị hoại diệt, trong vòng thời gian là một kiếp. Khi cung điện mặt trời di chuyển, thì Nhật thiên tử không có ý di chuyển rằng: ‘Ta đi. Ta dừng.’ Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Lúc mà cung điện mặt trời vận hành thì vô số trăm ngàn chư Thiên, Thiên thần đi theo dẫn đường trước, hoan hỷ không mệt mỏi, thích đi nhanh nhẹn, vì vậy Nhật thiên tử được gọi là ‘Nhanh nhẹn’<sup>18</sup>.

“Thân Nhật thiên tử phát ra ngàn tia sáng; năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh, đó là vì công đức của nghiệp đời trước nên có ngàn tia sáng này. Thế nên Nhật thiên tử còn gọi là Thiên Quang<sup>19</sup>. Thế nào là công đức của nghiệp đời trước? Hoặc có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng cứu giúp những người đói khát cùng khổ, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy

<sup>17</sup>. Ngũ phong 五風: trì phong 持風, dưỡng phong 養風, thọ phong 受風, chuyển phong 轉風, điều phong 調風.

<sup>18</sup>. Hán: tiệp tật 捷疾; liên hệ ngữ nguyên: sūriya (do SVAR) và jvala.

<sup>19</sup>. Thiên Quang 千光; Skt.?

thời ban phát, tùy theo nhu cầu, không trái ý người và cúng dường cho các vị Hiền thánh trì giới. Do bởi nhân duyên vô số pháp hỷ quang minh khác nhau kia, mà thiện hoan hỷ. Như vua Quán đảnh dòng Sát-ly lúc bắt đầu lên ngôi, thiện tâm hoan hỷ cũng lại như vậy. Do nhân duyên này, thân hoại mạng chung làm Nhật thiên tử, được Nhật cung điện, có ngàn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được ngàn tia sáng.

“Lại nữa, do duyên gì mà gọi là ánh sáng của nghiệp đời trước? Hoặc có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến, vì những nhân duyên này mà tâm lành hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nhớ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, lại vào trong hồ nước này tắm rửa cho mát mẻ rồi cảm thấy vui mừng yêu thích; thì người thực hành mười điều lành, tâm lành vui mừng của họ lại cũng như vậy. Thân người này sau khi thân hoại mạng chung, làm Nhật thiên tử, sống ở Nhật cung điện, có ngàn tia sáng, vì nhân duyên này cho nên gọi là ánh sáng nghiệp lành.

“Lại nữa, vì duyên gì gọi là ngàn tia sáng? Hoặc có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối, không uống rượu; do những nhân duyên này, mà thiện tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nhật thiên tử, sống ở Nhật cung điện, có ngàn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là ngàn tia sáng nghiệp lành.

“Trong sáu mươi niệm khoảnh<sup>20</sup> gọi là một la-da<sup>21</sup>, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa<sup>22</sup>, trăm ma-hầu-đa gọi là ưu-ba-ma<sup>23</sup>. Nhật cung điện mỗi năm có sáu tháng đi theo hướng Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm; cực Nam không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề. Mặt trời di chuyển về hướng Bắc, cũng vậy.

“Vì duyên gì nên ánh sáng mặt trời nóng bức? Có mười nhân duyên. Những gì là mười?

<sup>20</sup>. Niệm khoảnh 念頃, Skt.: kīṛaṇa, Pāli: khaṇa. Nhưng, *Câu-xà luận* q.12: 120 kīṛaṇa (sát-na) là một tatkīṛaṇa (Huyền Tráng: sát-sát-na 剎刹那) sáu mươi tatkīṛaṇa là một lava (Huyền Tráng: lạp phước 臘縛). Xem cht. dưới.

<sup>21</sup>. La-da 羅耶, Huyền Tráng: lạp phước 臘縛, Skt.: lava.

<sup>22</sup>. Ma-hầu-đa 摩喉多, Huyen Tráng: mâu-hô-lật-đa 牟呼栗多; Skt.: muhūrta.

<sup>23</sup>. Ưu-ba-ma 優波摩, Huyen Tráng: truù dạ 晝夜, ahorātra.

“1. Ngoài núi Tu-di có núi Khư-đà-la<sup>24</sup> cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, biên núi không ước lượng được; núi được tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đây là duyên thứ nhất ánh sáng mặt trời nóng bức.

“2. Bên ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà<sup>25</sup> cao hai vạn một ngàn do-tuần, rộng cũng hai vạn một ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ hai ánh sáng mặt trời nóng bức.

“3. Bên ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đề-đà-la<sup>26</sup>, bên trên cao một vạn hai ngàn do-tuần, rộng một vạn hai ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời nóng bức.

“4. Ở ngoài cách núi Thọ-đề-đà-la không xa có núi gọi là Thiện kiến<sup>27</sup>, cao sáu ngàn do-tuần, rộng sáu ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“5. Ở ngoài núi Thiện kiến có núi Mã tự<sup>28</sup> cao ba ngàn do-tuần, ngang rộng cũng ba ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“6. Ở ngoài cách núi Mã tự không xa có núi Ni-di-đà-la<sup>29</sup>, cao một ngàn hai trăm do-tuần, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“7. Ở ngoài cách núi Ni-di-đà-la không xa có núi Điều phục<sup>30</sup>, cao

<sup>24</sup>. Khư-đà-la sơn, xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 55. 57.

<sup>25</sup>. Y-sa-đà sơn, xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 58.

<sup>26</sup>. Thọ-đề-đà-la 樹提陀羅, ở trên là Thọ-cự-đà-la 樹巨陀羅. Có lẽ do nhầm tự dạng.

<sup>27</sup>. Thiện kiến sơn xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 60.

<sup>28</sup>. Mã tự sơn 馬祀山, ở trên là Mã thực sơn, xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 61.

<sup>29</sup>. Ni-di-đà-la 尼彌陀羅, ở trên là Ni-dân-đà-la; xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 62.

<sup>30</sup>. Xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 63.

sáu trăm do-tuần, rộng cũng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ bảy để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“8. Ở ngoài núi Điều phục có núi Kim cương luân<sup>31</sup>, cao ba trăm do-tuần, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát ra nhiệt. Đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“9. Lại nữa, bên trên một vạn do-tuần có cung điện Trời gọi là Tinh tú, tạo thành bởi lưu ly. Khi ánh sáng mặt trời chiếu vào nó, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“10. Lại nữa, ánh sáng cung điện mặt trời chiếu xuống đại địa, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

**“Đó là mười duyên thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời nóng bức.”**

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài tụng:

*Do mười nhân duyên này,  
Mặt trời gọi Thiên quang;  
Ánh sáng phát nóng bức:  
Được nói mặt trời Phật.*

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tại sao cung điện mặt trời mùa đông thì lạnh để không thể ở gần được? Có ánh sáng mà sao lạnh? Có mười ba duyên, tuy có ánh sáng nhưng vẫn lạnh. Những gì là mười ba?

“1. Giữa hai núi Tu-di và Khư-đà-la có nước, rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra rất nhiều loại hoa khác nhau như: hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-ly, hoa Tu-kiền-đề; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ nhất để ánh sáng mặt trời lạnh.

“2. Khoảng cách giữa hai núi Khư-đà-la và Y-sa-đà-la có nước, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, dọc ngang bốn vạn hai ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra các loài hoa khác nhau. Khi ánh sáng chiếu đến, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ hai để ánh sáng mặt trời lạnh.

<sup>31</sup>. Xem phẩm 1, châu Diêm-phù-đề, cht. 64.

“3. Giữa hai núi Y-sa-đà-la và Thọ-đề-đà-la có nước, rộng hai vạn một ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời lạnh.

“4. Giữa hai núi Thiện kiến và núi Thọ-đề có nước, rộng hai ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng, nơi này có nước, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời lạnh.

“5. Giữa hai núi Thiện kiến và núi Mã tự có nước, rộng sáu ngàn do-tuần, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời lạnh.

“6. Giữa hai núi Mã tự và núi Ni-di-đà-la có nước, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời lạnh.

“7. Giữa hai núi Ni-di-đà-la và núi Điều phục rộng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ bảy để sinh ra ánh sáng mặt trời lạnh.

“8. Giữa hai núi Điều phục và núi Kim cương luân có nước, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời lạnh.

“9. Giữa núi Kim cương luân và đất Diêm-phù-đề có nước<sup>32</sup>, khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống một lần chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời lạnh.

“10. Đất Diêm-phù-đề có sông ít, đất Câu-da-ni có nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười để ánh sáng mặt trời lạnh.

“11. Sông ngòi của cõi Câu-da-ni thì ít, nước của cõi Phất-vu-đãi thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười một để ánh sáng mặt trời lạnh.

“12. Sông ngòi của Phất-vu-đãi thì ít, sông ngòi của Uất-đơn-viết

---

<sup>32</sup>. Câu này dịch theo bản TNM; trong bản Cao-ly: Diêm-phù-lợi địa, đại hải giang hà.



thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười hai để ánh sáng mặt trời lạnh.

“13. Ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu xuống nước của biển cả, thì khi ánh sáng mặt trời chiếu, xúc chạm mà sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười ba để ánh sáng mặt trời lạnh.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

*Do mười ba duyên này.  
Mặt trời gọi Thiên quang  
Ánh sáng này lạnh trong:  
Được nói Mặt trời Phật.*

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Cung điện mặt trăng, chất tròn khi đầy khi vơi<sup>33</sup>, ánh sáng sút giảm, cho nên nguyệt cung được gọi là Tồn<sup>34</sup>. Mặt trăng có hai nghĩa: một là trụ thường độ, hai gọi là cung điện<sup>35</sup>. Do từ bốn phương xa mà nhìn, thấy là tròn. Lạnh ấm điều hòa, được tạo thành bởi bạc trời và lưu ly. Hai phần là thuần bạc trời rỗng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa; một phần bằng lưu ly rỗng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa. Cung điện mặt trăng, rộng bốn mươi chín do-tuần, tường cung điện cùng đất mỏng như tử bách<sup>36</sup>. Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp linh báu, bảy lớp hàng cây, trang sức chung quanh bằng bảy báu... cho đến, vô số các loài chim riu rít hòa vang.

“Cung điện mặt trăng này được năm thứ gió giữ gìn<sup>37</sup>: một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thụ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Chánh điện, nơi ngự của Nguyệt thiên tử, làm bằng lưu ly, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, chung quanh là lan can. Tòa của Nguyệt thiên tử, rộng nửa do-tuần, được làm thành bởi bảy báu, trong sạch và mềm mại, giống như thiên y. Nguyệt thiên tử trên thân phóng ra ánh sáng, chiếu soi điện lưu ly; ánh sáng của điện lưu ly chiếu soi cung điện mặt trăng và ánh sáng cung điện mặt trăng chiếu soi bốn

<sup>33</sup>. Bản Cao-ly: tổn chất 損質; các bản TNM: viên chất 圓質.

<sup>34</sup>. Tồn 損; định nghĩa indu theo ngũ nguyên là ūna?

<sup>35</sup>. Xem cht. 365.

<sup>36</sup>. Xem cht. 366.

<sup>37</sup>. Xem cht. 367.

cõi thiên hạ. Tuổi thọ của Nguyệt thiên tử là năm trăm năm, con cháu thừa kế nhau không hề khác<sup>38</sup>. Cung điện này không bị hủy hoại trong vòng một kiếp. Lúc cung điện mặt trăng di chuyển, Nguyệt thiên tử này không có ý niệm di chuyển, rằng: ‘Ta đi. Ta dừng.’ Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Khi cung điện mặt trăng di chuyển, thì có vô số trăm ngàn các Đại Thiên thần, thường ở trước dẫn đường, hoan hỷ không mệt mỏi, ưa thích nhanh nhẹn, vì vậy nên Nguyệt thiên tử được gọi là ‘Nhanh nhẹn’<sup>39</sup>.

“Thân Nguyệt thiên tử phát ra ngàn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu hai bên. Đó là do công đức của nghiệp đời trước nên có ánh sáng này, thế nên Nguyệt thiên tử còn gọi là Thiên Quang<sup>40</sup>. Thế nào là công đức nghiệp đời trước? Thế gian có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng bố thí cho những người đói khát cùng cực, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy thời ban phát, tùy theo nhu cầu, mà không trái ý người và cúng dường cho các vị Hiền thánh trì giới. Do vô số pháp hỷ khác nhau ấy, thiện tâm quang minh. Như vị vua Quán đảnh dòng Sát-ly, khi mới đang vương vị, thiện tâm hoan hỷ, cũng lại như vậy. Vì nhân duyên này, nên thân hoại mạng chung làm Nguyệt thiên tử, cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được ngàn tia sáng.

“Lại nữa, do nghiệp gì được ngàn ánh sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thù dật, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến; do những nhân duyên này mà thiện tâm hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nhớ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, vào trong hồ nước này, tắm rửa mát mẻ, hoan hỷ khoái lạc; người thực hành mười điều lành, thiện tâm hoan hỷ, lại cũng như vậy. Người này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Do nhân duyên này cho nên gọi là ngàn ánh sáng nghiệp lành.

“Lại nữa, do duyên gì được ngàn tia sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không lừa dối, không

<sup>38</sup>. Trong bản Hán: dị hệ 異係; các bản TNM: dị kế.

<sup>39</sup>. Xem cht. 368.

<sup>40</sup>. Xem cht. 369.

uống rượu, vì những nhân duyên này, thiện tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là ngàn tia sáng nghiệp lành.